IRDOP

Viện nghiên cứu và phát triển Sản phẩm thiên nhiên
/ Institute for Research and Development of Organic Products
Phòng Phân tích - Kiểm nghiệm / Analysis and Testing Dept.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis

ilac-MRA BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 997

Xuất bản / Ref.: PPT26v072901-E6ADHV4 Ngày / Date: 14/10/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG NAM DƯỢC NGUYỄN THIỆU
Lô 1A, Cụm công nghiệp Quỳnh Hồng, Xã Quỳnh Phụ, Hưng Yên, Việt Nam.

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26v0729-01

Tên mẫu thử:	**Thực phẩm bảo vệ sức khoẻ Viên uống Đại tràng Hanaki**
Số lô:	011026
Ngày sản xuất:	02/10/2026
Hạn sử dụng:	02/10/2029
Ngày tiếp nhận:	07/10/2026
Ngày thử nghiệm:	07/10/2026 - 13/10/2026
Tình trạng mẫu lưu:	Không có mẫu lưu
Mô tả:	Mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên, đóng trong lọ thủy tinh, trên lọ dán thông tin mẫu

- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the test results on the following page -

Ghi chú / Note:
KPH: Không phát hiện / Not detected.
LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.
LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.
IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.
EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.
VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.
TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo NĐ 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.
Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.
Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

IRDOP

Viện nghiên cứu và phát triển Sản phẩm thiên nhiên
/ Institute for Research and Development of Organic Products
Phòng Phân tích - Kiểm nghiệm / Analysis and Testing Dept.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis

ilac-MRA · BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM · VILAS 997

Xuất bản / Ref.: PPT26v072901-E6ADHV4 Ngày / Date: 14/10/2026

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	$7,6\times10^2$	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	IRDOP VS
2.	Tổng số nấm men và nấm mốc	KPH (LOD: 10) / Not detected (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	IRDOP VS
3.	*Escherichia coli*	KPH (LOD: 10) / Not detected (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	IRDOP VS
4.	*Salmonella* spp.	KPH ($eLOD_{50}$: 5) / Not detected ($eLOD_{50}$: 5)	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
5.	*Enterobacteriaceae*	KPH (LOD: 10) / Not detected (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 5518-2:2007	IRDOP VS
6.	Chì (Pb)	KPH (LOD: 0,006) / Not detected (LOD: 0,006)	mg/kg	TCVN 8126:2009	IRDOP VS
7.	Arsen (As)	KPH (LOD: 0,007) / Not detected (LOD: 0,007)	mg/kg	TCVN 7770:2007	IRDOP VS
8.	Cadmi (Cd)	KPH (LOD: 0,0005) / Not detected (LOD: 0,0005)	mg/kg	TCVN 8126:2009	IRDOP VS
9.	Thủy ngân (Hg)	KPH (LOD: 0,004) / Not detected (LOD: 0,004)	mg/kg	TCVN 7993:2009	IRDOP VS

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH - KIỂM NGHIỆM
/ Laboratory Manager

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN

Trần Thị Lan

IRDOP

Viện nghiên cứu và phát triển Sản phẩm thiên nhiên
/ Institute for Research and Development of Organic Products
Phòng Phân tích - Kiểm nghiệm / Analysis and Testing Dept.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis

Xuất bản / Ref.: PPT26v072902-E6ADHX9 Ngày / Date: 14/10/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG NAM DƯỢC NGUYỄN THIỆU
Lô 1A, Cụm công nghiệp Quỳnh Hồng, Xã Quỳnh Phụ, Hưng Yên, Việt Nam.

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information: SP26v0729-02

Tên mẫu thử:	**Thực phẩm bảo vệ sức khoẻ Viên uống Đại tràng Hanaki**
Số lô:	011026
Ngày sản xuất:	02/10/2026
Hạn sử dụng:	02/10/2029
Ngày tiếp nhận:	07/10/2026
Ngày thử nghiệm:	07/10/2026 - 09/10/2026
Tình trạng mẫu lưu:	Không có mẫu lưu
Mô tả:	Mẫu thực phẩm bảo vệ sức khỏe dạng viên, đóng trong lọ thủy tinh, trên lọ dán thông tin mẫu

- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the test results on the following page -

Ghi chú / Note:
KPH: Không phát hiện / Not detected.
LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.
LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.
IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.
EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.
VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.
TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo NĐ 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.
Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.
Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
/ Certificate of Analysis

Xuất bản / Ref.: PPT26v072902-E6ADHX9 Ngày / Date: 14/10/2026

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Định tính Bạch truật	Dương tính với Atractylenolide I		Pro 1638 TLC	IRDOP
2.	Định tính Mộc hoa trắng	Dương tính với Conessin		Pro 16173 TLC	IRDOP
3.	Định tính Mộc hương	Dương tính với Costunolide		Pro 1675 TLC	IRDOP
4.	Định tính Cam thảo	Dương tính với Glycyrrhizic acid		Pro 1601 TLC	IRDOP
5.	Định tính Hoàng liên	Dương tính với Berberin hydroclorid		Pro 1693 TLC	IRDOP
6.	Định tính Trần bì	Dương tính với Hesperidin		Pro 1608 TLC	IRDOP
7.	Định tính Hoàng bá	Dương tính với Berberin hydroclorid		Pro 16133 TLC	IRDOP

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH - KIỂM NGHIỆM
/ Laboratory Manager

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM THIÊN NHIÊN ★ Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Trần Thị Lan